**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ………**  **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA LÍ , KHỐI LỚP: 6**

**BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp …; Số học sinh:** ….**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**...................; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học:...........; Trên đại học:.............

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:.............; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Bản đồ các nước ĐNA, bản đồ khu vực. | 1 | Bài 4. Thực hành: Đọc bản đồ.  Xác định vị trì của đôi tượng địa lí trên bản đổ. Tim đường đi trên bàn đồ |  |
| 2 | - Bản đồ vùng núi Tây bắc nước ta.  - 1 số hình ảnh về Tây Bắc | 1 | Bài 12. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hỉnh đơn giản |  |
| 3 | - Lược đồ nhiệt độ trung bình tháng 1 ở Việt Nam.  - Biểu đồ nhiệt độ lượng mưa của 3 địa điểm thuộc 3 đới khí hậu khác nhau ở bán cầu bắc.  - Lược đồ các đới khí hậu tren Trái Đất. | 1 | Bàỉ 16. Thực hành: Đọc lược đổ khí hậu và biểu độ nhiệt độ —lượng mưa |  |
| 4 | - Lược đồ trống các lục địa và đại dương thế giới | 1 | Bài 20. Thực hành: Xác định trên lược đồ các đại dương thế giới |  |
| 5 | Tranh ảnh, video về Thực vật, động vật ở địa phương | 1 | Bài 23. Thực hành: Tìm hiểu lớp phù thực vật ở địa phương |  |
| 6 | - Tranh ảnh, video về những tác động cảu con người tới nhiên thiên ở địa phương em sinh sống | 1 | Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu tác động của con người lên môi trường tự nhiên trong sản xuất |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Không |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài dạy** | | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KÌ I** | | | | |
| 1 | 1 | Bài mở đầu. Tại sao cần học địa lí | **Tiết 1.**  1. Những câu hỏi chủ yếu khi học Địa lí.  2. Những kĩ năng chủ yếu khi học địa lí | - Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lạị.  - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách quan về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống |
| 2 | 2 | Bài mở đầu. Tại sao cần học địa lí | **Tiết 2.**  3. Địa lí và cuộc sống | - Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách quan về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống |
| 3 | 3 | **CHƯƠNG 1: BẢN ĐỒ-PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**  Bài 1.Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa li cùa một địa điểm trên bản đổ |  | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độ  địa lí, kinh độ, vĩ độ.  - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và  kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến |
| 4 | 4 | Bài 2. Các yếu tổ cơ bản của bản đồ | **Tiết 1.**  1.Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới  2. Kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ. | - Nhận biết được một số lưới lánh vĩ tuyến của bàn đồ thế giới.  - Biết đọc các ki hiệu bản đồ và chủ giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. |
| 5 | 5 | Bài 2. Các yếu tổ cơ bản của bản đồ | **Tiết 2.**  3. Tỉ lệ bản đồ.  4. Phương hướng trên bản đồ | - Biết đọc các ki hiệu bản đồ và chủ giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  - Biết xác định phương hướng trên bản đổ và từih khoáng cách thục tề giữa hai địa điểm trên bản đổ theo ti lệ băn đồ |
| 6 | 6 | Bài 2. Các yếu tổ cơ bản của bản đồ | **Tiết 3.**  5. Một số bản đồ thông dụng. | - Nhận biết được một số lưới lánh vĩ tuyến của bàn đồ thế giới.  - Biết đọc các ki hiệu bản đồ và chủ giải bản đồ hành chính, bdn đồ địa hình. |
| 7 | 7 | Bài 3. Lược đồ trí nhớ |  | Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh |
| 8 | 8 | Bài 4. Thực hành: Đọc bản đồ.  Xác định vị trì của đôi tượng địa lí trên bản đổ. Tim đường đi trên bàn đồ |  | - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đổ |
| 9 | 9 | Ôn tập | |  |
| 10 | 10 | Kiểm tra giữa kì I | |  |
| 11 | 11 | **CHƯƠNG 2: TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**  Bài 5. Trái Đất trong hệ Mặt Trời Hình dạng và kích thước của Trái Đẩt |  | - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tinh khác,...  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |
| 12 | 12 | Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục cùa Trái Đất và các hệ quả Địa lí | **Tiết 1.**  1.Chuyển động tự quay quanh trục cảu Trái Đất và hiện tượng ngày-đêm trên TĐ | -Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau |
| 13 | 13 | Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục cùa Trái Đất và các hệ quả Địa lí | **Tiết 2.**  2. Giờ Trái Đất  3. Sự lệch hướng của các vật thể | - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến  - Nhận biêt được giờ địa phương/ giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điêm trên thế giới |
| 14 | 14 | Bài 7. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các hệ quả địa lí | **Tiết 1.**  1.Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.  2. Các mùa trên Trái Đất | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...  - Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu. |
| 15 | 15 | Bài 7. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các hệ quả địa lí | **Tiết 2.**  3. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa | - Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ |
| 16 | 16 | Bài 8. Xác định phưong hướng ngoài thực địa |  | Xác định dược phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên |
| 17 | 17 | Ôn tập HKI | |  |
| 18 | 18 | Kiểm tra HKI | |  |
| **HỌC KÌ II** | | | | |
| 19 | 19 | **CHƯƠNG 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT**  Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất.  Các màng kiển tạo. Núi lửa và động đẩt | **Tiết 1.**  1.Cấu tạo của Trái Đất.  2. Các mảng kiến tạo | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.  - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra vào nhau |
|  | 20 | Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất.  Các màng kiển tạo. Núi lửa và động đẩt | **Tiết 2.**  3. Núi lửa và động đất | - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra vào nhau |
| 20 | 21 | Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi |  | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.  - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. |
|  | 22 | Bài 11.Các dạng địa hình chính. Khoáng sản | **Tiết 1.**  1.Các dạng địa hình chính | - Kế tên được các dạng địa hình, Nêu đc đặc điểm các dạng địa hình đó. |
| 21 | 23 | Bài 11.Các dạng địa hình chính. Khoáng sản | **Tiết 2.**  1.Các dạng địa hình chính (tiếp) |
|  | 24 | Bài 11.Các dạng địa hình chính. Khoáng sản | **Tiết 3.**  2. Khoáng sản | - Nêu được khái niệm, phân loại khoáng sản và giá trị của từng nhóm khoáng sản. |
| 22 | 25 | Bài 12. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hỉnh đơn giản |  | Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản |
|  | 26 | **CHƯƠNG 4: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**  Bài 13. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió | **Tiết 1.**  1.Khí quyển | - Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.  - Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một sổ khối khí. |
| 23 | 27 | Bài 13. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió | **Tiết 2.**  2. Các khối khí | - Trình bày được sự phàn bố các đai khi áp và các loại gió thổi thuờng xuyên trên Trái Đất.  - Biết cách sử dụng khi áp kế.  - Có ý thức bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn |
|  | 28 | Bài 14. Nhiệt độ vả mưa. Thời tiết và khí hậu | **Tiết 1.**  1. Nhiệt độ không khí.  2. Hơi nước trong không khí.Mưa | - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.  - Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế. |
| 24 | 29 | Bài 14. Nhiệt độ vả mưa. Thời tiết và khí hậu | **Tiết 2.**  3. Thời tiết và khí hậu.  4. các đới khí hậu trên TĐ | - Trình bày được khái niệm thời tiết, khí hậu  - Phân biệt thời tiết và khí hậu.  -Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu. |
|  | 30 | Bàỉ 15. Biến đổi khí hậu và ứng phó vói biến đổi khí hậu |  | -Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.  -Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu |
| 25 | 31 | Bàỉ 16. Thực hành: Đọc lược đổ khí hậu và biểu độ nhiệt độ —lượng mưa |  | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới |
|  | 32 | Ôn tập | |  |
| 26 | 33 | Kiểm tra giữa HKII | |  |
|  | 34 | **CHƯƠNG 5: NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT**  Bàỉ 17. Các thành phần chủ yểu của thuỷ quyến. Tuần hoàn nước trên Trái Đất |  | -Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước |
| 27 | 35 | Bài 18. Sông. Nước ngầm và băng hà | **Tiết 1.**  1.Sông. | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tẩm quan trọng của việc sử dụng tổng họp nước sông, hồ. |
|  | 36 | Bài 18. Sông. Nước ngầm và băng hà | **Tiết 2.**  2. Nước ngầm và băng hà | - các yêu tố tạo nên nước ngầm và băng hà  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm vả băng hà |
| 28 | 37 | Bài 19. Biển và đại dương. Một sổ đặc điểm của môi trường biển | **Tiết 1.**  1. Biển và đại dương thế giới | - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. |
|  | 38 | Bài 19. Biển và đại dương. Một sổ đặc điểm của môi trường biển | **Tiết 2**  2. Một số đặc điểm của môi trường biển. | - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.  - Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển |
| 29 | 39 | Bài 20. Thực hành: Xác định trên lược đồ các đại dương thế giới |  | Xác định trên bản đồ, lược đồ trồng các đại dương thế giới |
|  | 40 | **CHƯƠNG 6: ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT**  Bài 21: Lớp đất trên Trái Đất | **Tiết 1.**  1. Lớp đất trên TĐ | - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  -Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. |
| 30 | 41 | Bài 21: Lớp đất trên Trái Đất | **Tiết 2.**  2. Một số nhóm đất chính | - Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.  - Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. |
|  | 42 | Bài 22. Sự da dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. | **Tiết 1.**  1. Sự đa dạng của giới sinh vật. | Biết được sự đa dạng của sinh vật trên lục địa được thể hiện qua sự đa dạng của thực vật và động vật. |
| 31 | 43 | Bài 22. Sự da dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. | **Tiết 2**  2. Các đới thiên nhiên trên TĐ | Xác định được vị trí của các đới khí hậu ; đặc điểm khí hậu, thực vật của từng đới khí hậu đó |
|  | 44 | Bài 22. Sự da dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. | **Tiết 3.**  3.Rừng nhiệt đới. | Biết được các đặc điểm về nhiệt độ Tb, lượng mưa TB, sự đa dạng của thực vật, động vật của rừng nhiệt đới |
| 32 | 45 | Bài 23. Thực hành: Tìm hiểu lớp phù thực vật ở địa phương |  | Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương |
|  | 46 | **CHƯƠNG 7 : CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**  Bài 24. Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới | **Tiết 1.**  1.Quy mô dân số thế giới | - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phân bố dân cư trên thế giới.  - Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. |
| 33 | 47 | Bài 24. Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới | **Tiết 2.**  2. Sự phân bố dân cư thế giới | - Biết được đặc điểm phân bố dân cư trên TG, giải thích được nguyên nhân đó. |
|  | 48 | Bài 24. Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới | **Tiết 3.**  3. Sự phân bố các thành phố lớn trên thế giới | - Kể tên và Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới |
| 34 | 49 | Bài 25. Con người và thiên nhĩên |  | - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.  - Trình bày được những tác động chủ yểu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.  - Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên  và khai thác thông m inh các tài nguyên vỉ sự phát triển bển vững. Liên hệ thực tế |
|  | 50 | Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu tác động của con người lên môi trường tự nhiên trong sản xuất |  | - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương.  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương |
| 35 | 51 | **Ôn tập cuối kì II** | |  |
|  | 52 | **Kiểm tra cuối kì II** | |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ (THẦY CÔ BỔ SUNG KIỂM TRA VÀO ĐÂY)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 2 |  |  |  |  |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục II**

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ..................................................................  **TỔ:** .............................................................................. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 20..... - 20.....)

**1. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề  (1) | Yêu cầu cần đạt  (2) | Số tiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủ trì  (6) | Phối hợp  (7) | Điều kiện thực hiện  (8) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề  (1) | Yêu cầu cần đạt  (2) | Số tiết  (3) | Thời điểm  (4) | Địa điểm  (5) | Chủ trì  (6) | Phối hợp  (7) | Điều kiện thực hiện  (8) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghé5p môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)